

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyền.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965; Địa chỉ nơi cư trú: xã BP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1965; Địa chỉ nơi cư trú: xã TP, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phạm Văn K cưới nhau vào năm 1991, hôn nhân do mai mối nhưng anh chị vẫn đồng ý kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn SR, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh K, được vài năm thì vợ chồng chuyển về TH sinh sống. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2000 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do anh Phạm Văn K không chăm lo cho gia đình, một mình chị phải chăm lo cho con cái, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau và từ đó thì vợ chồng không còn sống chung. Trong thời gian không còn sống chung thì anh chị tuy có gặp nhau nhưng không có bàn bạc để hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn K. Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 04/5/1991, Phạm Minh Q, sinh ngày 11/11/1994, Phạm Minh T, sinh ngày 30/6/1996, hiện nay 03 con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, nên chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Phạm Văn K chung sống không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn K, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Văn K; về con chung: Do con chung đã trưởng thành, nên Viện kiểm sát không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung: không có, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Phạm Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị Thu H tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh Phạm Văn K không hạnh phúc, nguyên do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Phạm Văn K không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau và vợ chồng không còn sống chung với nhau hơn 20 năm nay. Từ khi không còn sống chung, tuy chị và anh Phạm Văn K có gặp nhau nhưng không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Đối với anh Phạm Văn K thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Phạm Văn K hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Thu H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn với anh Phạm Văn K.

[4] Về việc nuôi con: Đối với 03 con chung là Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 04/5/1991, Phạm Minh Q, sinh ngày 11/11/1994, Phạm Minh T, sinh ngày 30/6/1996, hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được và chị Thu H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Thu H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Phạm Văn K không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn K.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013018 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND thị trấn SR, huyện TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Lương Bằng